TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN GÒ VẤP **THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập -Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 893/2024/HNGĐ-ST
Ngày: 16 - 7 - 2024
V/v tranh chấp ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN GÒ VẤP - THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Trần Thúy Duyên

Các Hội thẩm nhân dân:

Bà Võ Thị Mai

Bà Nguyễn Thị Én

- Thư ký phiên tòa: Bà Dương Thị Thảo Nguyên - Thư ký Tòa án nhân dân quận Gò Vấp, Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Gò Vấp, Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên toà: Bà Đinh Hương Liên - Kiểm sát viên.

Ngày 16 tháng 7 năm 2024 tại trụ sở Tòa án nhân dân quận Gò Vấp, Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 283/2024/TLST-HNGĐ ngày 15 tháng 3 năm 2024 về: "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 209/2024/QĐXXST- HNGĐ ngày 23 tháng 5 năm 2024 và Quyết định hoãn phiên toà số 195/2024/QĐST - HNGĐ ngày 20 tháng 6 năm 2024 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà Lê Thị Thanh V, sinh năm 1989; địa chỉ thường trú: Số 184/1/7 đường N, Phường M, quận G, Thành phố Hồ Chí Minh; địa chỉ liên hệ: Số 84 đường số 14, KDC V, phường H, Thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh. (có đơn đề nghị xét xử vắng mặt)

Bị đơn: Ông Lê Đặng Thanh B, sinh năm 1979; địa chỉ thường trú: Số 184/1/7 đường N, Phường M, quận G, Thành phố Hồ Chí Minh (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 05 tháng 3 năm 2024 và trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn Bà Lê Thị Thanh V trình bày:

Bà và ông Lê Đặng Thanh B chung sống với nhau vào năm 2014 trên cơ sở tự nguyện; đăng ký kết hôn tại Uỷ ban nhân dân Phường M, quận G, Thành phố Hồ Chí Minh theo Giấy chứng nhận kết hôn số 74, quyển số 01/2014 ngày 05/5/2014. Quá trình chung sống thường xuyên phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do bất đồng quan điểm, tính tình không hòa hợp, cuộc sống vợ chồng không

hạnh phúc nên đã sống ly thân từ tháng 01/2024. Nay bà xác định vợ chồng không còn tình cảm, mâu thuẫn không thể hàn gắn, đề nghị Toà giải quyết cho bà được ly hôn với ông B.

Về con chung: Vợ chồng có 01 con chung tên Lê Trâm A, sinh ngày 30/9/2014. Ly hôn, bà yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng trẻ Trâm A, không yêu cầu ông B cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung, nợ chung: Tự thoả thuận, không yêu cầu Toà án giải quyết.

Nguyên đơn có đơn đề nghị Tòa đưa vụ án ra xét xử vắng mặt và vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện. Bị đơn đã được Tòa án tống đạt hợp lệ Thông báo về việc thụ lý vụ án, giấy triệu tập; các thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hoà giải; quyết định đưa vụ án ra xét xử, quyết định hoãn phiên tòa nhưng không giao nộp cho Tòa án văn bản trình bày ý kiến về yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn và các tài liệu, chứng cứ kèm theo; đồng thời vắng mặt không lý do trong suốt quá trình tố tụng và tại phiên tòa.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Gò Vấp phát biểu ý kiến:

Về thủ tục tố tụng: Quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, Thẩm phán và Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng, đầy đủ trình tự thủ tục tố tụng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Đương sự phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án:

Xét đơn kiện của nguyên đơn, Hội đồng xét xử xác định đây là quan hệ: "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn". Do bị đơn cư trú tại quận Gò Vấp, Thành phố Hồ Chí Minh, theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân quận Gò Vấp, Thành phố Hồ Chí Minh.

[2] Về thủ tục tố tụng:

Nguyên đơn có đơn đề nghị Tòa đưa vụ án ra xét xử vắng mặt; bị đơn đã được Toà án triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt không vì sự kiện bất khả kháng hoặc trở ngại khách quan nên Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử vụ án theo quy định tại khoản 2 Điều 227, khoản 1 và khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[3] Xét yêu cầu xin ly hôn của nguyên đơn, Hội đồng xét xử nhận thấy:

Căn cứ vào Giấy chứng nhận đăng ký kết hôn số 74, quyển số 01/2014 do Uỷ ban nhân dân Phường 07, quận Gò Vấp, Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 05/5/2014, xác định hôn nhân giữa ông B và bà V là quan hệ hôn nhân hợp pháp.

Nguyên nhân bà V xin ly hôn là do bất đồng quan điểm, thường xuyên xảy ra mâu thuẫn, cuộc sống vợ chồng không hạnh phúc nên đã sống ly thân. Xét thấy, thời gian vợ chồng xảy ra mâu thuẫn đã lâu nhưng cả hai không có hướng khắc phục, giải quyết, dẫn đến mâu thuẫn ngày càng gay gắt hơn. Mặc khác, trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa đã triệu tập các bên hòa giải nhằm tạo điều kiện cho vợ chồng hàn gắn mâu thuẫn nhưng ông B vẫn không đến Tòa để giải quyết những mâu thuẫn, vướng mắt trong cuộc sống vợ chồng, như vậy chứng tỏ ông B không quan tâm đến cuộc hôn nhân này nên không có thiện chí muốn hàn gắn lại quan hệ vợ chồng. Tuy kết quả xác minh tại địa phương không rõ nguyên nhân mâu thuẫn nhưng từ những phân tích trên cho thấy cuộc sống vợ chồng giữa bà V và ông B hoàn toàn không hạnh phúc, mâu thuẫn đã đến mức trầm trọng không thể hàn gắn được, tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được, khả năng đoàn tụ không có. Căn cứ Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình, Hội đồng xét xử nhận thấy yêu cầu xin ly hôn của bà V là chính đáng, phù hợp với quy định của pháp luật nên được chấp nhận.

Về con chung: Căn cứ vào bản sao trích lục khai sinh số 413, quyển số 03/2024 ngày 29/10/2014 của Ủy ban nhân dân Phường M, quận G, Thành phố Hồ Chí Minh và lời khai của nguyên đơn, Hội đồng xét xử có cơ sở xác định giữa nguyên đơn và bị đơn có 01 con chung tên Lê Trâm A, sinh ngày 30/9/2014. Xét, nguyên đơn yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng con chung, đồng thời trẻ Trâm A cũng có nguyện vọng được sinh sống cùng mẹ, bị đơn không có ý kiến gì đối với yêu cầu nuôi con nên để đảm bảo quyền lợi về mọi mặt của trẻ Hội đồng xét xử căn cứ khoản 2 Điều 81 Luật hôn nhân và gia đình giao trẻ Trâm A cho nguyên đơn trực tiếp nuôi dưỡng và giáo dục đến tuổi trưởng thành.

Đối với việc cấp dưỡng nuôi con: Nguyên đơn không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Về tài sản chung, nợ chung: Tự thoả thuận, không yêu cầu Toà án giải quyết.

[4] Án phí hôn nhân sơ thẩm: Nguyên đơn phải chịu án phí về ly hôn là 300.000 (ba trăm ngàn) đồng.

[5] Về quyền kháng cáo: Các đương sự được quyền kháng cáo theo quy định tại Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[6] Xét đề nghị của đại diện Viện kiểm sát phù hợp với quy định của pháp luật nên được Hội đồng xét xử xem xét chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 4 Điều 147, Điều 266, Điều 271, Điều 273, Điều 278 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ các điều 51, 54, 56, 57, 58, 81, 82, 83, 84 và Điều 85 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội;

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Bà Lê Thị Thanh V được ly hôn với ông Lê Đặng Thanh B (Giấy chứng nhận kết hôn số 74, quyển số 01/2014 do Uỷ ban nhân dân Phường M, quận G, Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 05/5/2014 hết hiệu lực pháp luật).

2. Về con chung: Giao con chung tên Lê Trâm A, sinh ngày 30/9/2014 cho bà Lê Thị Thanh V trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục cho đến tuổi trưởng thành. Tạm hoãn nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con đối với ông B cho đến khi bà V có yêu cầu.

Ông B có quyền, nghĩa vụ thăm nom mà không ai được cản trở, tôn trọng quyền của con được sống chung với người trực tiếp nuôi.

Trên cơ sở lợi ích của con, cha, mẹ, người thân thích; cơ quan quản lý nhà nước về gia đình, cơ quan quản lý nhà nước về trẻ em, hội liên hiệp phụ nữ có quyền yêu cầu Tòa án thay đổi người trực tiếp nuôi con.

Khi cần thiết đương sự có quyền yêu cầu thay đổi mức cấp dưỡng nuôi con.

3. Về tài sản chung, nợ chung: Tự thoả thuận, không yêu cầu Toà án giải quyết.

4. Án phí hôn nhân sơ thẩm là 300.000 (ba trăm ngàn) đồng nguyên đơn phải chịu, được cấn trừ vào tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0012752 ngày 15/3/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự quận G, Thành phố Hồ Chí Minh. Bà V đã nộp đủ án phí.

Thi hành tại Chi cục Thi hành án dân sự có thẩm quyền.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự (sửa đổi bổ sung năm 2014) thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền được thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự (sửa đổi bổ sung năm 2014); thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

5. Về quyền kháng cáo:

Các đương sự được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết tại địa phương.

Nơi nhận:
- TAND TP.HCM;
- VKSND Q.G;
- Chi cục THADS Q.G;
- Cơ quan thực hiện việc đăng ký kết hôn;
- Các đương sự;
- Lưu VP, hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(đã ký)

Nguyễn Trần Thúy Duyên